

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐẶC KHU NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân đặc khu quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	444.744,551	TỔNG SỐ CHI	444.744,551
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	256.704	I. Chi đầu tư phát triển	93.613,551
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	117.267	II. Chi thường xuyên	343.756
III. Thu bổ sung	70.773,551	III. Dự phòng	7.375
1.Thu bổ sung cân đối			
2.Thu bổ sung có mục tiêu	70.773,551		
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐẶC KHU NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân đặc khu quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSĐK
A	B	1	2
A	TỔNG THU	650.843,551	444.744,551
I	Các khoản thu 100%	256.704	256.704
	Phí, lệ phí	227.300	227.300
	Lệ phí trước bạ nhà đất	13.000	13.000
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	900	900
	Thu khác	304	304
	Thu từ quỹ đất công tích và thu hoa lợi công sản khác	15.200	15.200
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	323.366	117.267
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	170.050	82.107
	Lệ phí trước bạ	14.000	7.000
	Phí, lệ phí	5.200	
	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	7.900	3.160
	Thu tiền sử dụng đất	125.000	25.000
	Thu khác	1.216	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	70.773,551	70.773,551

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân đặc khu quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1		2
	TỔNG CHI	444.744,551	93.613,551	351.131
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	173.720	16.779	156.941
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	390		390
3	Chi An ninh-Quốc phòng	17.746	5.000	12.746
4	Chi y tế, dân số và gia đình	21.553		21.553
5	Chi văn hóa thông tin	8.183	155	8.028
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	5.020	3.150	1.870
7	Chi thể dục thể thao	905		905
8	Chi bảo vệ môi trường	21.972	5.000	16.972
9	Chi các hoạt động kinh tế	67.382	47.829,551	19.552
10	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	72.317	4.700	67.617
11	Chi bảo đảm xã hội	35.471		35.471
12	Chi khác	12.711	11.000	1.711
13	Dự phòng ngân sách	7.375		7.375